

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK

Số: **18** /2024/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày **07** tháng **11** năm 2024

### NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHOÁ X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI LĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 144/BC-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân thực hiện nhiệm vụ tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Trường hợp một cá nhân đồng thời thực hiện nhiều nhiệm vụ trong một ngày của kỳ tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra thì được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất.

2. Việc chi trả tính theo thời gian thực tế thực hiện nhiệm vụ trong các kỳ tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra.

3. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tổ chức các kỳ tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan về mua sắm, đấu thầu để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ.

4. Các nội dung có liên quan đến nội dung chi, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra không được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

## **Điều 3. Nội dung, mức chi**

1. Nội dung chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, xét chuyển ngạch thanh tra bao gồm:

a) Chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng Công an và người lao động tham gia tổ chức kỳ tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra.

b) Chi thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác chuẩn bị, tổ chức các kỳ tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra.

c) Chi thuê đơn vị cung ứng dịch vụ phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra.

2. Mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, xét chuyển ngạch thanh tra quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

## **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách nhà nước.
2. Nguồn thu phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức được sử dụng theo quy định.
3. Nguồn kinh phí của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ.
4. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười Lăm thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2024./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, LĐTB&XH;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Nội vụ, LĐTB&XH, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn (UBND huyện gửi);
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT. HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

## Phụ lục

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG, TIẾP NHẬN VÀO CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC; THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC; XÉT CHUYỂN NGẠCH THANH TRA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **18** /2024/NQ-HĐND ngày **07** tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

| STT      | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính | Mức chi<br>(VN đồng) |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|
| <b>I</b> | <b>Chi bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng Công an và người lao động tham gia tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận vào công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; xét chuyển ngạch thanh tra</b> |             |                      |
| <b>1</b> | <b>Hội đồng</b> (bao gồm: Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức; Hội đồng thi nâng ngạch công chức; Hội đồng thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Hội đồng kiểm tra, sát hạch; Hội đồng xét chuyển ngạch)                                                                       |             |                      |
| 1.1      | Chủ tịch Hội đồng                                                                                                                                                                                                                                                                         | Người/ngày  | 350.000              |
| 1.2      | Phó Chủ tịch Hội đồng                                                                                                                                                                                                                                                                     | Người/ngày  | 300.000              |
| 1.3      | Ủy viên Hội đồng, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng                                                                                                                                                                                                                                            | Người/ngày  | 250.000              |
| <b>2</b> | <b>Ban Giám sát</b> (Kể cả của Bộ, ngành Trung ương)                                                                                                                                                                                                                                      |             |                      |
| 2.1      | Trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                                                                | Người/ngày  | 300.000              |

| STT        | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Mức chi<br>(VN đồng) |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------|
| 2.2        | Phó Trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                                     | Người/ngày  | 250.000              |
| 2.3        | Thành viên, Thư ký                                                                                                                                                                                                                                                 | Người/ngày  | 200.000              |
| <b>3</b>   | <b>Các Bộ phận giúp việc của Hội đồng</b>                                                                                                                                                                                                                          |             |                      |
| <b>3.1</b> | <b>Đối với: Ban Đề thi; Ban Coi thi; Ban Phách; Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển; Ban Kiểm tra sát hạch/ Ban Phỏng vấn (để thực hiện phỏng vấn, thực hành); Ban Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Tổ In sao đề thi; Tổ Thư ký giúp việc</b> |             |                      |
| a          | Trưởng ban, Tổ trưởng                                                                                                                                                                                                                                              | Người/ngày  | 300.000              |
| b          | Phó Trưởng ban, Tổ phó (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                    | Người/ngày  | 250.000              |
| c          | Thành viên, Thư ký                                                                                                                                                                                                                                                 | Người/ngày  | 200.000              |
| <b>3.2</b> | <b>Đối với: Ban chấm thi; Ban chấm phúc khảo</b>                                                                                                                                                                                                                   |             |                      |
| a          | Trưởng ban                                                                                                                                                                                                                                                         | Người/ngày  | 320.000              |
| b          | Phó Trưởng ban (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                            | Người/ngày  | 270.000              |
| c          | Thành viên, Thư ký                                                                                                                                                                                                                                                 | Người/ngày  | 250.000              |
| <b>4</b>   | <b>Các bộ phận phục vụ gián tiếp</b>                                                                                                                                                                                                                               |             |                      |
| 4.1        | Lực lượng Công an làm nhiệm vụ phối hợp trực tiếp với các Bộ phận giúp việc của Hội đồng thi để thực hiện công tác tổ chức thi                                                                                                                                     | Người/ngày  | 250.000              |

| STT       | Nội dung                                                                                                                 | Đơn vị tính | Mức chi<br>(VN đồng)                                                                                                                    |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.2       | Lực lượng Công an tham gia bảo vệ kỳ thi                                                                                 | Người/ngày  | 200.000                                                                                                                                 |
| 4.3       | Nhân viên kỹ thuật, y tế, phục vụ, vệ sinh, lái xe và bộ phận vận chuyển đề                                              | Người/ngày  | 150.000                                                                                                                                 |
| <b>II</b> | <b>Chi thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác chuẩn bị, tổ chức</b>                                                   |             |                                                                                                                                         |
| <b>1</b>  | <b>Chi tiền công kiểm tra hồ sơ, nhập dữ liệu, xét duyệt danh sách thí sinh dự thi đối với kỳ nâng ngạch, thăng hạng</b> |             |                                                                                                                                         |
| 1.1       | Kiểm tra hồ sơ, nhập dữ liệu danh sách thí sinh                                                                          | hồ sơ       | - Dưới 100 hồ sơ:<br>20.000 đồng/01 hồ sơ<br>- Từ 100 - 500 hồ sơ:<br>15.000 đồng/01 hồ sơ<br>- Trên 500 hồ sơ:<br>10.000 đồng/01 hồ sơ |
| 1.2       | Xét duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện                                                                                | hồ sơ       | - Dưới 100 hồ sơ:<br>30.000 đồng/01 hồ sơ<br>- Từ 100 - 500 hồ sơ:<br>25.000 đồng/01 hồ sơ<br>- Trên 500 hồ sơ:<br>20.000 đồng/01 hồ sơ |
| <b>2</b>  | <b>Chi biên soạn nội dung tài liệu và hướng dẫn ôn tập</b>                                                               |             |                                                                                                                                         |

| STT      | Nội dung                                                                                                                    | Đơn vị tính   | Mức chi<br>(VN đồng) |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------|
| 2.1      | Chi biên soạn nội dung tài liệu                                                                                             | Môn, lĩnh vực | 500.000              |
| 2.2      | Chi thẩm định, biên tập nội dung tài liệu                                                                                   | Môn, lĩnh vực | 500.000              |
| 2.3      | Chi hướng dẫn ôn tập                                                                                                        | Người/buổi    | 1.000.000            |
| <b>3</b> | <b>Xây dựng đề</b>                                                                                                          |               |                      |
| 3.1      | Đối với đề thi trắc nghiệm (áp dụng đối với các kỳ thi tuyển trong trường hợp không hợp đồng đơn vị trung gian xây dựng đề) |               |                      |
| a        | Soạn thảo câu hỏi và đáp án                                                                                                 | Câu           | 45.000               |
| b        | Thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm                                                                                       | Câu           | 35.000               |
| c        | Định dạng đề trắc nghiệm trên máy                                                                                           | Người/ngày    | 250.000              |
| d        | Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm                                                                              | Người/ngày    | 200.000              |
| đ        | Chuẩn bị dữ liệu, test dữ liệu (tạo ca, chia ca thi) trên máy                                                               | Người/ngày    | 250.000              |
| e        | Chi cho kết nối, cài đặt tại phòng máy thi                                                                                  | Người/ngày    | 250.000              |
| g        | Chi phí vận hành phần mềm trong quá trình thi                                                                               | Người/ngày    | 250.000              |
| 3.2      | Đối với xây dựng đề và đáp án phỏng vấn, thực hành, thi viết (bao gồm cả soạn thảo, thẩm định và biên tập)                  | Câu           | 150.000              |
| <b>4</b> | <b>Các nhiệm vụ khác có liên quan</b>                                                                                       |               |                      |



| STT | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính       | Mức chi<br>(VN đồng)                                                                                                                                                                      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.1 | Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tập huấn; chi đi công tác, chi công tác phí (tiền ăn, ở, đi lại) của những người tham gia.                                                                                                                                                                                                                                            | Người/ngày        | Theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị                                                                                                                                 |
| 4.2 | Chi mua, vận chuyển các dụng cụ, trang thiết bị công nghệ, vật tư, văn phòng phẩm; mua ngân hàng câu hỏi, đề, đáp án; in, photo, chuyển phát tài liệu, phù hiệu, thẻ; tuyên truyền, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.                                                                                                                                       | Thực tế phát sinh | Thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản có liên quan. Thanh toán căn cứ Hợp đồng, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp lệ trong phạm vi dự toán bảo đảm đúng quy định hiện hành |
| III | <b>Chi thuê đơn vị cung ứng dịch vụ phối hợp thực hiện nhiệm vụ</b> Hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ để thực hiện thuê: địa điểm, cơ sở vật chất; trang thiết bị công nghệ; phần mềm tổ chức thi; đơn vị thực hiện các nhiệm vụ tổ chức (công tác ra đề, tổ chức thi, chấm thi, phỏng vấn, sát hạch ...); các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác chuẩn bị, tổ chức. | Thực tế phát sinh | Thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản có liên quan. Thanh toán căn cứ Hợp đồng, hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp lệ trong phạm vi dự toán bảo đảm đúng quy định hiện hành |